TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v:" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Long Biên
2. Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Th; sinh năm: 1991

HKTT: Thôn Vân Đình, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thu:* Bà Lê Thị Lý – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Chi nhánh số 08. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn Kh; sinh năm: 1988.

HKTT: Thôn Vân Đình, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/11/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2018, bản tự khai ngày 03/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Trương Văn Kh kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/06/2010 tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi là UBND) xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, không chung quan điểm sống. Thời gian kéo dài khiến

cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi. Chị và anh Kh đã sống ly thân đến nay đã hơn 4 năm, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị Vân Khánh, sinh ngày 02/9/2011. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi.

-Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2018, anh Trương Văn Kh trình bày: Anh và chị Bùi Thị Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2010 tại UBND xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên đôi lúc sảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn chị Th.

- Về con cái: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trương Thị Vân Khánh, sinh ngày 02/9/2011. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Kh không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Kh. Anh Kh đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Kh đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tại phiên tòa hôm nay, anh Kh vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Kh.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Lý: Về hôn nhân, xét thấy trong cuộc sống vợ chồng chị Bùi Thị Th và anh Trương Văn Kh có quá nhiều mâu thuẫn và đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Th và anh Kh được ly hôn. Về con cái, giao con chung là cháu Trương Thị Vân Khánh, sinh ngày 02/9/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi. Về án phí, đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án để miễn tiền án phí cho chị Bùi Thị Th.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh Kh. Về con cái giao cháu Trương Thị Vân Khánh, sinh ngày 02/9/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ khi giải quyết xong vụ án cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Trương Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2010 tại UBND xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay sảy ra cãi vã bất hòa. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai bên đầu cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Việc này cũng đã được trưởng thôn Vân Đình và UBND xã Thành Mỹ xác nhận và hoàn toàn phù hợp với kết quả mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Th được ly hôn anh Kh để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị Bùi Thị Th và anh Trương Văn Kh có một con chung là cháu Trương Thị Vân Khánh, sinh ngày 02/9/2011. Ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Bản thân anh Kh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy anh Kh có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh nhưng trong các buổi tòa án triệu tập anh Kh đến làm việc, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Kh cũng vắng mặt chứng tỏ trách nhiệm đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh Kh có phần hạn chế. Tại phiên tòa hôm nay chị Th là người mẹ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị thiết tha được trực tiếp nuôi con, giới tính của cháu Khánh là nữ, bản thân cháu Khánh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Khánh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và để anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, giới tính, nguyện vọng cháu Khánh và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị Th và anh Kh không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Do chị Th là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Th đã có đơn xin miễn tiền án phí vì vậy cần miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bùi Thị Th. Anh Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 2 điều 482, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Trương Văn Kh.

Về con cái: Giao cháu Trương Thị Vân Khánh, sinh ngày 02/9/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh Kh có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Kh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí DSST cho chị Bùi Thị Th, trả lại cho chị Th 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003450 ngày 01/10/2018. Anh Trương Văn Kh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị Th, vắng mặt anh Trương Văn Kh. Chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Kh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hà Long Biên **Quách Thị Tình** **Phạm Văn Hùng**